

HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TẠI TỈNH QUẢNG NINH NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

TS. Trần Thế Tuấn*

Ngoài phần mở đầu, bài viết bắt đầu Phần 1 bằng việc trình bày và phân tích những nét đặc trưng của hoạt động thu hút FDI vào tỉnh Quảng Ninh thời gian qua: Gia tăng mạnh mẽ về số vốn, về quy mô dự án, về tỷ trọng và thứ hạng trong tổng vốn FDI toàn quốc, cơ cấu đối tác và ngành nghề của FDI. Phần 2 đưa ra một số đánh giá khái quát về đóng góp của vốn FDI vào phát triển kinh tế - xã hội Quảng Ninh thời gian qua, phân tích cụ thể những nhân tố tạo thuận lợi cũng như những hạn chế trong thu hút FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Phần 3 đề xuất một số giải pháp chủ yếu mà tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện để đẩy mạnh và cải thiện chất lượng thu hút FDI vào địa bàn tỉnh thời gian tới.

• Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, Quảng Ninh.

Beside Preface, the paper starts the Part One by presenting and analyzing several main features of attracting FDI into Quang Ninh province in the past years: Strong increase of the capital amount, the scale of the projects, the ratio and rank of the FDI into Quang Ninh in total FDI of all country, and concrete structures of FDI. The Part Two makes some general assessments on contributions of FDI to Quang Ninh's past socio-economic developments, and analyzes concretely some favorable factors as well as limitations in attracting FDI into Quang Ninh province. Part Three suggests some main measures which Quang Ninh province needs to achieve to push strongly and to improve quality of attracting FDI into this province in the next time.

• Key words: foreign direct investment (FDI), Quang Ninh.

Ngày gửi bài: 14/9/2024
Ngày gửi phân biện: 16/10/2024
Ngày nhận và sửa sau phân biện: 28/10/2024
Ngày chấp nhận đăng: 21/11/2024

1. Thực trạng thu hút FDI tại tỉnh Quảng Ninh những năm gần đây

1.1. Động thái thu hút FDI

Theo Bảng 1, những năm gần đây (đặc biệt từ năm 2020), vốn FDI đăng ký cấp mới hàng năm vào tỉnh Quảng Ninh có xu hướng tăng cả về tốc độ lẫn tổng vốn đầu tư. Chẳng hạn, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới vào Quảng Ninh từ chỗ đạt 465,99 triệu USD, chiếm 3,18% tổng vốn FDI đăng ký cấp mới của cả nước năm 2020, đã tăng 117,1% lên 1.011,55 triệu USD, chiếm 6,64% tổng vốn FDI cả nước năm 2021; tăng 116,2% lên 2.187,17 triệu USD, chiếm 17,57% tổng vốn FDI cả nước năm 2022; và tăng 41,9% lên 3.103,93 triệu USD, chiếm 15,38% tổng vốn FDI cả nước năm 2023. Riêng 6 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào

Quảng Ninh ước đạt trên 1.361,71 triệu USD (trong đó, gồm đăng ký cấp mới gần 1.358,0 triệu USD, đăng ký điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần khoảng 3,63 triệu USD), bằng 141% kế hoạch 6 tháng đầu năm, bằng 51,6% kế hoạch cả năm 2024 (3,0 tỷ USD); và bằng 2,18 lần so với cùng kỳ năm 2023 (đặc biệt, cao hơn so với tốc độ trung bình 13,1% của cả nước trong 6 tháng đầu năm 2024). Nhờ đó, Quảng Ninh tiếp tục giữ vững vị trí top 3 địa phương dẫn đầu cả nước, với việc thu hút được 8,97% tổng vốn đầu tư cả nước (15,2 tỷ USD) trong giai đoạn này, sau Bắc Ninh (2,58 tỉ USD, chiếm 17%) và Bà Rịa-Vũng Tàu (1,54 tỉ USD, chiếm 10,1% cả nước [Thần Thanh Hằng, 2024]).

Bảng 1: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hàng năm vào tỉnh Quảng Ninh so với cả nước, giai đoạn 2020 - ngày 20/6/2024

Năm/ Địa phương	Số dự án đăng ký cấp mới		Vốn đăng ký cấp mới				Vốn đăng ký (cấp mới, điều chỉnh, góp vốn mua cổ phần)	
	Số dự án	So với cả nước (%)	Số vốn (Triệu USD)	So với cả nước (%)	Số vốn TB/DÁ (%)	Số vốn (Triệu USD)	So với cả nước (%)	Thứ hạng trong các địa phương có vốn FDI
Năm 2020								
Quảng Ninh	16	0,63	465,99	3,18	29,12	505,66	1,77	16/60
Cả nước	2.523	100	14.646,42	100	5,8	28.530,10	100	-
Năm 2021								
Quảng Ninh	10	0,58	1.011,55	6,64	101,16	1.156,66	3,71	10/59
Cả nước	1.738	100	15.245,40	100	8,8	31.153,34	100	-
Năm 2022								
Quảng Ninh	9	0,44	2.187,17	17,57	243,2	2.368,16	8,54	3/54
Cả nước	2.036	100	12.446,22	100	6,11	27.718,13	100	-
Năm 2023								
Quảng Ninh	26	0,82	3.103,93	15,38	119,4	3.110,57	8,50	3/56
Cả nước	3.188	100	20.185,62	100	6,33	36.607,63	100	-
6 tháng đầu năm 2024								
Quảng Ninh	23	1,50	1.357,97	14,24	59,0	1.361,71	8,97	3/48
Cả nước	1.538	100	9.536,75	100	6,2	15.185,0	100	-

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT), Tình hình thu hút FDI vào Việt Nam, hàng năm từ năm 2020 - ngày 20/6/2024.

Đồng thời, tỷ trọng và thứ hạng của Quảng Ninh trong tổng vốn FDI đăng ký (gồm cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần) cả nước cũng thay đổi nhanh chóng theo hướng ngày càng tăng theo từng năm. Cụ thể, từ chỗ chiếm 1,77% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước, xếp thứ

* Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải; email: tuantt83@utt.edu.vn

16/60 tỉnh/thành thu hút được vốn FDI năm 2020, lên 3,71% xếp thứ 10/59 vào năm 2021, lên 8,54% xếp thứ 3/54 vào năm 2022, 8,5% xếp thứ 3/56 vào năm 2023, và lên 8,97% xếp thứ 3/48 tính đến tháng 6/2024.

Kết quả là tổng vốn, tỷ trọng vốn đăng ký và vị trí của Quảng Ninh trong tổng vốn lũy kế còn hiệu lực của cả nước cũng gia tăng mạnh mẽ. Như Bảng 2 cho thấy, tổng vốn lũy kế của tỉnh Quảng Ninh đã tăng từ 6.796,63 triệu USD (với 144 dự án), chiếm 1,77% đứng thứ 15/64 tỉnh thành tính đến ngày 20/12/2020 lên 7.916,13 triệu USD (với 152 dự án), chiếm 1,94%, đứng thứ 15/64 tỉnh thành tính đến ngày 20/12/2021, lên 10.172,66 triệu USD (với 159 dự án), chiếm 2,32%, đứng thứ 12/64 tỉnh thành tính đến ngày 20/12/2022, lên 12.956,31 triệu USD (với 181 dự án) chiếm 2,76%, đứng thứ 10/64 tỉnh thành tính đến ngày 20/12/2023, và 14.318,02 triệu USD (với 204 dự án) chiếm 2,99% trên địa bàn tỉnh.

Bảng 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Quảng Ninh và cả nước

(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/06/2024)

Thứ hạng trong số các tỉnh có FDI	Địa phương	Tổng số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký lũy kế		
			Tổng số vốn (Triệu USD)	Tỉ trọng (%)	Vốn trung bình/ dự án (Triệu USD)
Cả nước lũy kế đến ngày 20/12/2020		33.070	384.044,21	100,0	11,6
15/64	Quảng Ninh	144	6.796,63	1,77	47,2
Cả nước lũy kế đến ngày 20/12/2021		34.527	408.093,02	100,0	11,82
15/64	Quảng Ninh	152	7.916,13	1,94	52,1
Cả nước lũy kế đến ngày 20/12/2022		36.278	438.692,29	100,0	12,1
12/64	Quảng Ninh	159	10.172,66	2,32	64,0
Cả nước lũy kế đến ngày 20/12/2023		39.140	468.917,54	100,0	12,0
10/64	Quảng Ninh	181	12.956,31	2,76	71,6
Cả nước lũy kế đến ngày 20/06/2024		40.544	484.102,54	100,0	11,9
-	Quảng Ninh	204	14.318,02	2,99	70,2

Nguồn: Tính toán dựa trên Cục Đầu tư Nước ngoài, Tình hình thu hút ĐTNH tại Việt Nam, hàng năm từ năm 2020 đến ngày 20/6/2024.

Đồng thời, quy mô các dự án FDI đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh hàng năm cũng ngày càng gia tăng và cao hơn so với mức bình quân của cả nước. Theo Bảng 1, FDI vào Quảng Ninh từ bình quân 29,12 triệu USD/dự án gấp 5 lần so với 5,8 triệu USD/dự án của cả nước năm 2020, đã tăng lên 101,16 triệu USD/dự án gấp 11,5 lần so với 8,8 triệu USD/dự án của cả nước năm 2021, lên 243,2 triệu USD/dự án gấp 39,8 lần so với 6,11 triệu USD/dự án của cả nước năm 2022, đạt 119,4 triệu USD/dự án gấp 18,9 lần so với 6,33 triệu USD/dự án của cả nước năm 2023, và đạt 59,0 triệu USD/dự án gấp hơn 9,5 lần so với 6,2 triệu USD/dự án của cả nước.

Bảng 2 cho thấy, quy mô trung bình một dự án của tỉnh Quảng Ninh đạt 47,2 triệu USD gấp 4,1 lần so với 11,6 triệu USD của cả nước lũy kế đến ngày 20/12/2020, đã tăng hơn 1,5 lần lên 71,6 triệu USD hay gấp gần 6,0 lần so với 12,0 triệu USD của cả nước lũy kế hết năm 2023.

Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là, cho đến nay, Quảng Ninh thu hút được toàn các dự án hay các nhà đầu tư lớn từ nước ngoài, mà các dự án quy mô nhỏ và trung bình vẫn chiếm số đông trong các dự án đầu tư vào tỉnh. Trên thực tế, số nhà đầu tư chiến lược vào tỉnh Quảng Ninh còn tương đối thấp, chưa có những nhà đầu tư lớn mang vai trò “sêu đầu đàn” dẫn dắt ở những lĩnh vực mà

tỉnh quan tâm kêu gọi, như chế biến, chế tạo, logistics từ các thị trường phát triển lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Pháp, Đức,... Đặc biệt, chưa có một mô hình liên doanh, liên kết trong hợp tác đầu tư giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước mà mới chỉ dừng ở hình thức đầu tư 100% vốn FDI, nên sức lan tỏa không cao.

1.2. Cơ cấu vốn đầu tư FDI theo đối tác

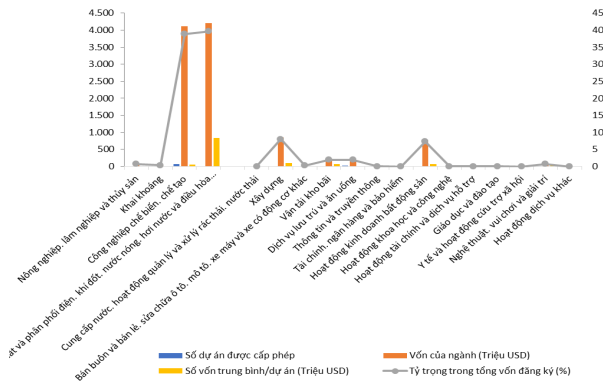
Tính từ năm 1990 khi Quảng Ninh chính thức thu hút dự án FDI đầu tiên, đến ngày 20/6/2024, trên địa bàn tỉnh đã có 204 dự án FDI của các nhà đầu tư tới từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 14.318,02 triệu USD [Song Hà, 2023]. Trong đó, các đối tác đầu tư truyền thống chủ yếu đến từ châu Á vẫn chiếm phần lớn số dự án và vốn đầu tư, trong khi các đối tác có trình độ công nghệ cao đến từ châu Âu còn rất hạn chế. Cụ thể, trong tổng số 10.172,66 triệu USD đầu tư vào Quảng Ninh tính đến ngày 20/12/2022, Hồng Kông luôn dẫn đầu với tổng vốn đăng ký đạt trên 3.773,9 triệu USD (47 dự án) chiếm trên 37,1%, tiếp theo là Hoa Kỳ có 4 dự án với tổng số vốn đạt 2.307,8 triệu USD, chiếm 22,7%; Nhật Bản có 7 dự án với 2.043,4 triệu USD chiếm 20,1%; UAE có 1 dự án với 550,0 triệu USD chiếm 5,4%, Singapore có 11 dự án với 400,6 triệu USD chiếm 3,94%, và các nước còn lại đạt 1.298,2 triệu USD (gồm Trung Quốc có 30 dự án với 259,5 triệu USD, Thái Lan có 4 dự án với 196,7 triệu USD, Anh có 12 dự án với 183,7 triệu USD, và các nước khác có tổng cộng 36 dự án với 658,3 triệu USD) chiếm 12,8%. Ngay năm 2023, phần lớn các dự án đầu tư mới có tổng vốn lớn cũng đều đến từ các đối tác đã có dự án đầu tư sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh; chẳng hạn, các nhà đầu tư Hồng Kông vẫn là đối tác dẫn đầu với hơn 1,5 tỷ USD, chiếm gần 50% tổng vốn FDI thu hút được của tỉnh (3.103,93 triệu USD); tiếp theo là Đài Loan với 925 triệu USD, chiếm gần 30%, Singapore với hơn 286 triệu USD, chiếm 9,2%; cùng với đó là một số nhà đầu tư tới từ Nhật Bản, Hoa Kỳ, UAE, Indonesia, Thái Lan,... [Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, 2022 và Đỗ Phương, 2024].

1.3. Cơ cấu vốn FDI theo ngành kinh tế

Các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang đầu tư vào 16 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân của tỉnh. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu cả về số dự án và vốn đầu tư đăng ký. Cụ thể, tính đến ngày 20/12/2023, nhóm ngành này dẫn đầu nhờ thu hút được 74 dự án (chiếm 41% tổng số dự án) với tổng cộng 5.943,4 triệu USD (chiếm 42,4%) sau khi đạt 4.112,7 triệu USD chiếm 38,84% tổng vốn FDI toàn tỉnh tính đến ngày 20/12/2022. Tiếp theo là các lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (với 4.664,27 triệu USD), mặc dù có tăng so với 4.199,6 triệu USD, song lại giảm còn 36% so với 39,66% tổng vốn FDI toàn tỉnh tính đến ngày 20/12/2022 [Song Hà, 2023]. Tiếp đến là nhóm ngành xây dựng có tổng vốn đăng ký đạt 848,6 triệu USD chiếm 8,01%; hoạt động kinh doanh bất động sản có tổng số vốn đăng ký đạt 774 triệu USD chiếm trên 7,3%, tổng vốn FDI toàn tỉnh tính đến ngày

20/12/2022. Đồng thời, đó cũng là những nhóm ngành có số vốn trung bình trên một dự án thuộc loại cao, và thường đi kèm với các công nghệ tương đối tiên tiến và hiện đại. Trong khi đó, các dự án thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; khai khoáng; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác, nước thải; bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác,... chiếm khoảng 15% tổng vốn FDI đăng ký.

Hình 3: Đầu tư trực tiếp của nước ngoài theo ngành tỉnh Quảng Ninh



Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Niên giám TK tỉnh Quảng Ninh năm 2023.

2. Những đóng góp của FDI vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh

Thứ nhất, FDI đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế bền vững của tỉnh Quảng Ninh nhiều năm qua. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh tăng dần theo từng năm. Từ 9,8% năm 2020 lên 11,3% năm 2021; 11,5% năm 2022; và 12,3% năm 2023, tăng 2,5 điểm phần trăm so với năm 2020, trong khi tỷ trọng ngành khai khoáng trong GRDP giảm dần từ 21,3% (năm 2015) xuống còn 18,3% (năm 2022), phù hợp với việc chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân năm 2021-2022 đạt 23,6%/năm nhờ vốn FDI lên tới 1,3 tỷ USD [Nguyễn Huệ, 2023].

Thứ hai, các doanh nghiệp FDI đang mang lại nguồn thu quan trọng cho ngân sách của tỉnh. Theo Niên giám thống kê hàng năm của tỉnh, năm 2018, các doanh nghiệp FDI đã đóng góp 3,4% tổng thu ngân sách của tỉnh năm 2018; 3,0% năm 2019; 2,8% năm 2020; 2,5% năm 2021; và 2,2% năm 2022. Riêng 3 quý đầu năm 2023, khu vực FDI đã đóng góp vào ngân sách của tỉnh khoảng 76 triệu USD, tương đương gần 2.000 tỷ đồng [Song Hà, 2023].

Thứ ba, FDI đã ít nhiều góp phần thúc đẩy chuyển giao, tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, và phát triển một số ngành kinh tế quan trọng của tỉnh như công nghiệp chế biến, chế tạo, nhiệt điện, cảng biển, khai thác, chế biến than, sản xuất wolfram,... Chẳng hạn, khu công nghiệp Việt Hưng trở thành KCN hỗ trợ, thu hút các dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất máy móc, thiết bị phụ trợ. KCN Cảng biển Hải Hà và KCN Hải Yên phát triển thành trung tâm công nghiệp thời

trang, công nghiệp sáng tạo khu vực phía bắc hướng tới thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa với các thương hiệu thời trang nổi tiếng thế giới; ưu tiên thu hút ngành dệt may có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa, bảo vệ môi trường; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất, thiết bị điện-điện tử; công nghiệp công nghệ cao [Song Hà, 2023].

Thứ tư, FDI đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng năng suất lao động. Trên địa bàn tỉnh hiện đang có 16 KCN với 107 dự án đang hoạt động, trong đó có 70 dự án FDI và 37 dự án trong nước. Hằng năm, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp tại các KCN rất lớn. Theo Ban Quản lý KKT, KCN tỉnh, riêng năm 2023 nhu cầu tuyển dụng lao động phổ thông của doanh nghiệp tại các KCN là 12.980 lao động. Tính đến hết năm 2023, khu vực FDI đã góp phần giải quyết việc làm cho khoảng gần 43.000 lao động toàn tỉnh [Hiếu Trần, 2023].

Lao động địa phương trước và sau khi được tiếp nhận vào làm việc trong các doanh nghiệp FDI sẽ được qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghề, ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật được bồi dưỡng, trau dồi để từng bước tiếp cận được với khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao và có tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức, kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

3. Những yếu tố hấp dẫn FDI vào tỉnh Quảng Ninh

Một là, nằm ở Đông Bắc Việt Nam, là một cực của tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Quảng Ninh hội tụ khá đầy đủ các yếu tố thuận lợi về điều kiện vị trí, địa hình, tự nhiên, xã hội, kinh tế, con người để trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa xuất khẩu ra thị trường thế giới và khu vực. Đặc biệt, Quảng Ninh có đường biên giới trên bộ và trên biển tiếp giáp với Trung Quốc (một thị trường 1,4 tỷ dân đang phát triển rất nhanh); là cửa ngõ hội nhập với thế giới của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; là điểm nút trong khu vực hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt Nam - Trung Quốc và kết nối với khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. [Hạnh Vũ, 2023; Hoàng Nga, 2024].

Hai là, tỉnh luôn xác định phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên thông, tổng thể, hài hòa giữa các hạ tầng: Giao thông; đô thị; năng lượng; nông nghiệp, nông thôn; KCN, KKT; thương mại; khoa học và CNTT; GD&ĐT; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch có vai trò then chốt đối với thu hút đầu tư. Hiện tại, về cơ sở hạ tầng giao thông, với tổng chiều dài 176 km, kết nối trực tiếp với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và kéo dài đến tận cầu Bắc Luân II, hệ thống đường cao tốc của Quảng Ninh chiếm 16,8% tổng chiều dài đường cao tốc hiện có của cả nước (176 km/1.046 km). Quảng Ninh cũng có hệ thống cảng biển nước sâu, có cảng hàng không quốc tế, có cảng tàu khách quốc tế chuyên biệt,... [Đỗ Phương, 2023].

Ba là, trong những năm gần đây, kinh tế Quảng Ninh liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, với GRDP

đạt trên 2 con số trong 9 năm liên tiếp (2015-2023). Năm 2023, GRDP đạt 11,03%, gấp đôi mức bình quân chung cả nước, đứng thứ 3 Việt Nam, đứng đầu trong vùng Đồng bằng sông Hồng. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2023 ước đạt trên 315.800 tỷ đồng (gấp hơn 1,5 lần so với năm 2020), đứng thứ 3 ở khu vực phía Bắc (chỉ sau Hà Nội và Hải Phòng), đóng góp 10,1% vào tổng quy mô nền kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng. Là một trong 18 tỉnh, thành phố đóng góp nhiều nhất cho ngân sách quốc gia [Nguyễn Hòa, 2024]; GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 9.500 USD, gấp 4,7 lần năm 2012, cao nhất khu vực phía Bắc, đứng thứ 2 cả nước; lượng khách du lịch đến với Quảng Ninh hàng năm đạt khoảng 14 triệu lượt [Quỳnh Nga, 2024]. Chính điều đó đang tạo ra sức hấp dẫn ngày càng lớn cho thị trường tiêu thụ ở Quảng Ninh.

Bốn là, bên cạnh đó, các cấp chính quyền địa phương của tỉnh luôn thể hiện rõ quyết tâm và đồng hành cùng doanh nghiệp và nhà đầu tư. Cụ thể, Quảng Ninh liên tục cải cách hành chính, đổi mới chiến lược tăng trưởng và hoàn thiện môi trường đầu tư thân thiện với doanh nghiệp. Nhờ đó, Quảng Ninh là địa phương duy nhất trong cả nước lần thứ hai giữ vị trí đứng đầu cả 4 chỉ số quan trọng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số cải cách hành chính (ParIndex); Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), 10 năm liên tục (từ năm 2013 - 2022) nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước.

Năm là, một mấu chốt quan trọng khác khiến Quảng Ninh có thể tăng cường thu hút đầu tư FDI, nhất là từ các thị trường trọng điểm, là do gần đây chiến lược phát triển kinh tế của Quảng Ninh đã chuyển mạnh sang tập trung vào các ngành và lĩnh vực mà các nhà đầu tư quan tâm bao gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ xanh như điện tử, hoạt động kinh doanh bất động sản; xây dựng, vận tải kho bãi; thương mại, tài chính,... [Hương Trà, 2023].

Sáu là, theo tổng kết của Ban quản lý các Khu kinh tế Quảng Ninh, hiện trên địa bàn tỉnh, quỹ đất công nghiệp còn rất lớn, đủ đáp ứng cho những nhà đầu tư cần quỹ đất nhiều. Quảng Ninh cũng là địa phương có số lượng và quy mô KKT, KCN lớn nhất cả nước với 2 KKT ven biển (230.436 ha), 3 KKT cửa khẩu (144.735 ha), 23 KCN (18.842,56 ha), phân bố trên 10/13 địa phương với tổng diện tích trên 394.013 ha [Cục đầu tư nước ngoài, 2020]. Đến nay tổng diện tích đất đã GPMB tại các KCN là trên 2.470ha; diện tích đã cho các dự án đầu tư thứ cấp thuê là gần 900ha (riêng năm 2023 cấp mới là 266ha, chiếm 30% tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê từ trước đến nay); tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 47,8% (riêng năm 2023 tăng thêm hơn 6%). Diện tích đất công nghiệp hiện có tại các KCN sẵn sàng cho thuê là trên 500ha. [Hoàng Nga, 2024].

4. Những hạn chế của hoạt động FDI vào tỉnh Quảng Ninh

Thứ nhất, hạn chế về công tác thu hút và chất lượng FDI. Mặc dù quy mô trung bình các dự án FDI vào tỉnh Quảng Ninh có cao hơn so với cả nước, song cụ thể hơn ta thấy, tỷ lệ các dự án FDI vào tỉnh Quảng Ninh có quy mô vừa và nhỏ vẫn còn lớn. Hàm lượng chất xám và trình độ công nghệ trong các sản phẩm doanh nghiệp FDI chưa thật sự cao và hiện đại.

Hầu hết các dự án FDI đầu tư vào Quảng Ninh vẫn tập trung ở các địa bàn có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội thuận lợi, gần cảng biển, gần các thành phố và thị trấn. Trong khi, các huyện miền núi, hải đảo cần đẩy nhanh tốc độ phát triển và được chính quyền dành nhiều ưu đãi, như Hoành Bồ, Ba Chẽ, Bình Liêu, Cô Tô,...

Thứ hai, mặc dù tỉnh Quảng Ninh đã đi trước một bước trong đầu tư vào cơ sở hạ tầng (giao thông, các KCN, KKT), nhưng cơ sở hạ tầng tại các KCN tập trung vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ, hoàn chỉnh, chất lượng còn kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp nước ngoài. Có một nghịch lý là, chủ đầu tư các dự án kinh doanh hạ tầng KCN có tâm lý chờ đợi nhà đầu tư thứ cấp rồi mới đầu tư hạ tầng dùng chung trong KCN, trong khi các nhà đầu tư FDI lại muốn có mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật ngay thì mới quyết định đầu tư. [Invest Quảng Ninh, 2023]

Thứ ba, tương tự như nhiều địa phương khác, công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) cũng luôn là một trong những hạn chế chậm được khắc phục trong việc tạo môi trường đầu tư kinh doanh tại Quảng Ninh. Trong quá trình triển khai công tác GPMB, phần lớn các dự án đều gặp khó khăn trong việc cập nhật thông tin về đất đai, quy hoạch, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất. Chính sách và đơn giá đền bù GPMB còn nhiều bất cập, thay đổi thường xuyên, một số văn bản quy định hướng dẫn còn phức tạp, thiếu cụ thể,... [Sơn Nga, 2024,].

Thứ tư, mặc dù đã có sự cải thiện, song chất lượng lao động còn thấp và việc quản lý nhà nước ở tỉnh Quảng Ninh đối với FDI vẫn chưa thật hiệu quả. Vấn đề bất cập hiện nay và đáng quan tâm nhất trong tỉnh là tỷ lệ lao động có tay nghề còn thấp và đội ngũ quản lý cấp cao còn rất thiếu. Điều này khiến các doanh nghiệp nước ngoài còn e ngại khi đầu tư vào tỉnh. Cơ cấu lao động của tỉnh còn mất cân đối và bất hợp lý. Tỷ lệ lao động có tay nghề ở các ngành công nghệ, ngành mũi nhọn còn thiếu.

Thứ năm, chính sách thu hút vốn FDI chưa đủ mạnh. Các chính sách xét duyệt, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh Quảng Ninh, dù được đánh giá là khá thông thoáng so với các địa phương khác, song trên thực tế vẫn chưa đủ mạnh, chưa thực sự có ưu thế vượt trội để có sức hấp dẫn lôi kéo các nhà đầu tư có tiềm lực kinh tế mạnh, có trình độ công nghệ cao hiện đại, các công ty xuyên quốc gia. Các chính sách mới chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp ở khu công nghệ cao, một số dự án đặc thù khiến việc thu hút các dự án FDI vào tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa đa dạng đủ cho các nhà đầu tư lựa chọn. Nhiều thủ tục hành chính còn rườm rà, tiến độ giải ngân chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện cũng thể hiện trình độ quản lý của tỉnh cần phải cải thiện hơn nữa. [Lê Như Quỳnh, 2020].

Thứ sáu, hoạt động xúc tiến kém hiệu quả. Kinh phí xúc tiến đầu tư còn hạn chế, các địa phương trong tỉnh còn bị động trong việc chuẩn bị dự án, tổ chức kêu gọi vận động xúc tiến đầu tư. Đã có sự chủ động trong việc tìm kiếm đối tác để xúc tiến đầu tư, nhưng hiệu quả không cao, dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư còn chậm. Các hoạt động liên quan đến xúc tiến đầu tư còn thiếu tính đồng bộ nhất quán và chiến lược dài hạn. Bên cạnh đó, cơ quan tham mưu xúc tiến đầu tư ở trung ương cũng chưa chủ động đổi mới, chưa có tiếp cận mới trong giải pháp tổng thể để hỗ trợ các địa phương, trong đó có Quảng Ninh.

5. Một số giải pháp khắc phục chủ yếu

Để có thể tiếp tục thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài, ngoài việc thực hiện tốt các chính sách đã ban hành, Quảng Ninh cần phải có một số giải pháp đồng bộ, thiết thực, đột phá phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2045.

Thứ nhất, để thu hút FDI chọn lọc, trước hết, cần ưu tiên thu hút đầu tư vào những ngành nghề, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh vượt trội, có tiềm năng khác biệt, tạo giá trị gia tăng lớn. Trong đó, ưu tiên cho khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ, các ngành công nghệ cao, công nghệ thông minh, công nghệ xanh, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, và du lịch, dịch vụ tổng hợp hiện đại,... Ngoài ra, tỉnh cũng cần tập trung thu hút FDI vào phát triển kinh tế biển, lĩnh vực giáo dục và y tế. Đề tạo thuận lợi cho khâu xúc tiến và thực hiện nghiên cứu đầu tư, Quảng Ninh cần nhanh chóng ban hành danh mục ngành nghề, dự án ưu tiên/hạn chế thu hút đầu tư cụ thể hơn.

Thứ hai, Quảng Ninh cần phải không ngừng đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên cải thiện môi trường đầu tư phù hợp với quy hoạch của tỉnh và bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, tỉnh cần tiếp tục loại bỏ các rào cản bất hợp lý, các chi phí không chính thức; đổi mới, phát huy hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp phù hợp với xu hướng chuyển đổi số toàn diện. Cuối cùng, hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh cần đa dạng về hình thức và quy mô, cần chủ động tiếp cận trực tiếp để mở rộng quan hệ với các nhà đầu tư FDI lớn.

Thứ ba, hạ tầng kỹ thuật được coi là một yếu tố quan trọng để thu hút nguồn vốn FDI. Do đó, để giữ chân và thu hút ngày càng nhiều FDI, Quảng Ninh cần bám sát chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và định hướng quy hoạch của tỉnh để phát triển kết cấu hạ tầng thông thoáng, thuận lợi thúc đẩy mạnh mẽ liên kết vùng (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Lạng Sơn,...), các liên kết hành lang kinh tế như: Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh, đặc biệt là liên kết nội vùng giữa các khu vực miền núi và các vùng trung tâm đô thị. Bên cạnh đó, cần nhanh chóng đầu tư, mở rộng, và cải tạo nhiều đường cao tốc, đường quốc lộ, tỉnh lộ, để đảm bảo việc di chuyển hàng hóa và con người thuận lợi và nhanh chóng.

Thứ tư, để đảm bảo cung cấp đủ lực lượng lao động có chất lượng cho các nhà đầu tư, Quảng Ninh cần nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyên dịch cơ cấu lao động, tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số, đặc biệt cơ chế chính sách về nhà ở để thu hút lao động đến làm việc tại Quảng Ninh. Quảng Ninh cần từ bỏ việc coi nguồn lao động giá rẻ là lợi thế thu hút đầu tư mà phải chú trọng đến nguồn lao động chất lượng cao, được đào tạo bài bản, đáp ứng các tiêu chuẩn cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ, du lịch, xuất nhập khẩu, kinh tế biển,...

Thứ năm, Quảng Ninh cần thực hiện tốt hơn công tác giải phóng mặt bằng, chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch để thu hút FDI vào những lĩnh vực ưu tiên theo quy hoạch của tỉnh, nhất là công nghiệp chế biến chế tạo. Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng cần tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, có sai phạm, gây lãng phí đất đai,... theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tỉnh cũng cần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất đai, phát huy cao nhất giá trị nguồn lực đất đai, tạo động lực phát triển. Đồng thời, tỉnh cũng cần đẩy mạnh phản cấp, phản quyền phù hợp, hiệu quả đối với địa phương; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai.

Thứ sáu, về công tác bảo vệ môi trường, các cấp chính quyền tỉnh Quảng Ninh cần hạn chế thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có thể gây tổn hại đến môi trường, khuyến khích thu hút các dự án đầu tư mang theo công nghệ cao, công nghệ tái tạo thân thiện với môi trường, kiên quyết không chấp nhận các dự án đầu tư lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên nhiên liệu, không thân thiện với môi trường. Ngoài ra, chính quyền địa phương phải liên tục giám sát, tăng cường kiểm tra hoạt động thu gom và xử lý nước thải, chất thải của các KCN, tránh gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

Tài liệu tham khảo:

- Thái Bình, 2024, Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng, www.quangninh.gov.vn, cập nhật ngày 26/6.
- Cục đầu tư nước ngoài, Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài, hàng năm từ năm 2020 và ngày 20/06/2024.
- Cục đầu tư nước ngoài, 2020, Quảng Ninh đẩy mạnh thu hút FDI Hàn Quốc, <https://fa.mpi.gov.vn/Detail/CatID/3bdc27f403e4f36e901e1e9c71aa14cb/NewsID/30175de9-6a22-4be7-9a71-7700fdd70166>, cập nhật ngày thứ Sáu, 28/8.
- Cục thống kê tỉnh Quảng Ninh, Niên giám thống kê hàng năm từ năm 2020 đến 2023.
- Song Hà, 2023, Thu hút FDI: Nỗ lực chính phục hồi cao mới, Báo Quảng Ninh, ngày 20/12;
- Thần Thanh Hằng, 2024, Tình hình FDI tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024, <https://vsoit.org.vn/vn/tin-hoat-dong-nganh/tinh-hinh-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-6-thang-nam-2024-59874056.html>, cập nhật ngày 29/6.
- Nguyễn Hòa, 2024, Quảng Ninh: Địa phương có tiềm năng thu hút đầu tư nhất Việt Nam, <https://tdn.vn/hoi-nhap-va-phat-trien/kinh-te-dau-tu-quang-ninh-dia-phuong-co-tiem-nang-thu-hut-dau-tu-nhat-viet-nam-99947>, cập nhật ngày Thứ Sáu, 8/3.
- Invest Quang Ninh, 2023, Gỡ "Nút thắt" trong thu hút vốn đầu tư FDI, <https://investquangninh.vn/vi/news/go-nut-that-trong-thu-hut-von-dau-tu-fdi.html>, cập nhật ngày 04/02.
- Hoàng Nga, 2024, Quảng ninh: Điểm đến hấp dẫn trong làn sóng chuyển dịch đầu tư nước ngoài, <https://baoquangninh.vn/quang-ninh-diem-den-hap-dan-trong-lan-song-chuyen-dich-dau-tu-nuoc-ngoai-3290948.html>, cập nhật ngày thứ Hai, 01/04.
- Quỳnh Nga, 2024, Quảng Ninh phân tích, đánh giá chuyên sâu chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI, PGI năm 2023, <https://baodauvu.vn/quang-ninh-phân-tích-danh-gia-chuyên-sâu-chỉ-số-par-index-sipas-pci-pgi-nam-2023-4216467.html>, cập nhật ngày 30/5.
- Son Nga, 2024, Quảng Ninh là điểm sáng về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Báo Đầu tư Online, ngày 18/4.
- Đỗ Phương, 2023, Tỉnh có chỉ số phát triển hạ tầng giao thông tốt nhất, Báo Quảng Ninh, ngày 30/10/2023;
- Đỗ Phương, 2024, Quyết tâm lập kỷ lục mới trong thu hút FDI, <https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/tang-truong-Trang-ChiTiTInTuc.aspx?mid=141102>, cập nhật ngày 25/7.
- Hương Trà, 2023, Chiến lược cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Tạp chí Công Sơn, ngày 23/12.
- Hiệu Trần, 2023, Nhiều giải pháp tạo việc làm cho người lao động, <https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/hocvatmthoebac-Trang-ChiTiTInTuc.aspx?mid=128809>, cập nhật ngày 25/10.
- Hạnh Vũ, (2023). Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tỉnh Quảng Ninh. Nhân dân điện tử, ngày 19/10/2023.